

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÙ
TỈNH HUNG YÊN

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27/6/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Bùi Đăng Ban;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Cù;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Đức Hiếu - Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/6/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Hải V, sinh năm 1999;

HKTT/Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn D, sinh năm 1994;

HKTT: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: P, Trại giam N1 - Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường G - Bộ C.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** (con chung của chị V và anh D): Cháu Nguyễn Đình Gia H, sinh ngày 07/7/2017, hiện đang do chị V nuôi dưỡng;

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Chị Trần Thị Hải V và anh Nguyễn Văn D - Là bố, mẹ đẻ.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị Hải V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống từ năm 2017 và có đăng ký tại UBND xã T ngày 27/6/2017. Chị và anh D chung sống đến

năm 2019 thì anh D vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại Giam N1. Sau khi anh D đi chấp hành án chị vẫn thường xuyên đến thăm nuôi, nhưng từ năm 2023, sau khi chị gửi con về cho bố, mẹ anh D để nhờ chăm sóc, nuôi dưỡng hộ chị một thời gian thì giữa chị và bố mẹ anh D phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ và chị có nói khúc mắc đó cho anh D biết, từ đó giữa chị và anh D xảy ra mâu thuẫn.

Trong thời gian chung sống với anh D, chị nhận thấy anh D còn ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên chị đã nhiều lần tham gia, góp ý để anh D thay đổi, nhưng anh D đều bỏ ngoài tai, từ đó tình cảm vợ chồng bị dần nứt.

Nay chị xét thấy anh D và gia đình anh D không còn tôn trọng chị; bản thân chị cũng nhận thấy không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với anh D, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Chị và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Gia H, sinh ngày 07/7/2017, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu H.

Chị và anh D không có tài sản chung, không có công sức đóng góp gì về tài sản với hai bên gia đình và cũng không có khoản nợ chung nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Trước phiên tòa, chị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Trần Thị Hải V tự do tìm hiểu khoảng 6 tháng thì tự nguyện kết hôn, nhưng do chị V chưa đủ tuổi đăng ký nên anh và chị V đã về chung sống với nhau trước, sau này mới đi đăng ký tại UBND xã T ngày 27/6/2017.

Sau khi kết hôn anh và chị V chung sống rất hạnh phúc, nhưng do anh không có bản lĩnh, a dua theo bạn bè, có hành vi vi phạm pháp luật, từ đó tình cảm vợ chồng đã dần nứt.

Sau khi anh đi chấp hành án, chị V vẫn thường xuyên đến thăm nuôi, động viên anh, nhưng thời gian gần đây anh nhận thấy chị V có nhiều thay đổi, chị V muốn ly hôn anh nên anh đã bảo chị V làm đơn, anh sẽ nhất trí ly hôn.

Nay chị V có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy không còn xứng đáng với vợ, con trước những khuyết điểm của mình nên anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị V. Việc anh đồng ý ly hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Anh và chị V có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Gia H, sinh ngày 07/7/2017, hiện đang do chị V nuôi dưỡng. Do cháu H còn nhỏ, anh đang phải chấp hành án nên anh nhất trí để chị V nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H khi vợ chồng ly hôn.

Anh và chị V không có tài sản chung, không có công sức đóng góp gì về tài sản với hai bên gia đình và cũng không có khoản nợ chung nào nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Anh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Đình Gia H, cháu H có nguyện vọng được ở với chị V, khi chị V và anh D ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Trần Văn H1 (bố đẻ chị V) trình bày:

Đầu năm 2017, con gái ông là chị Trần Thị Hải V có tình cảm, yêu thương sâu sắc với anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1994, quê ở H, T. Do chị V chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên ông và gia đình không đồng ý cho chị V và anh D kết hôn. Tuy nhiên do bố mẹ anh D tha thiết đề nghị, cũng như chị V và anh D quyết tâm muốn về chung sống với nhau nên ông và gia đình đã đồng ý tổ chức đám cưới đơn giản cho chị V và anh D theo phong tục. Đến tháng 6/2017 chị V và anh D đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T.

Sau khi kết hôn chị V và anh D sinh sống cùng gia đình ông tại S, Nguyên Hòa nên ông có chứng kiến và biết được một số mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh D là do anh D còn ham chơi, đua đòi với bạn bè và đã vi phạm pháp luật.

Nay ông được biết chị V làm đơn xin ly hôn anh D, anh D cũng nhất trí ly hôn nên ông tôn trọng quyết định của chị V, anh D.

Vợ chồng chị V và anh D có 01 con chung. Thời gian qua ông và gia đình đã tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ở, vật chất và tinh thần cho cuộc sống của mẹ con chị V. Nay vợ chồng chị V ly hôn, chị V được nuôi con chung thì ông và gia đình tiếp tục hỗ trợ về chỗ ở, vật chất và tinh thần để mẹ con chị V ổn định cuộc sống.

Ngày 30/5/2025, Tòa án đã đến gia đình ông Nguyễn Văn D1 và bà Hoàng Thị N - Là bố, mẹ đẻ của anh D để làm việc, nhưng ông D1, bà N cương quyết từ chối, không làm việc với Tòa án.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, do bị đơn đang chấp hành án phạt tù, nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được.

Trước khi mở phiên tòa, các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V và giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hải V và anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Gia H, sinh ngày 07/7/2017 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị V và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị V chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Chị Trần Thị Hải V có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn D và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh D có HKTT tại: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Hiện anh D đang bị tạm giam tại Trại giam N1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Hải V và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 27/6/2017, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh D là hợp pháp.

Qua lời khai của chị V, anh D, ông H1 (bố chị V) thì có căn cứ xác định được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh D thời gian qua là do anh D ham chơi, có hành vi vi phạm pháp luật, hiện anh D đang chấp hành án tại Trại Giam N1.

Từ lời khai của các đương sự, người làm chứng cho thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị V xin ly hôn anh D, anh D cũng nhất trí ly hôn, do vậy yêu cầu xin được ly hôn của chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu của chị V được chấp nhận, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hải V và anh Nguyễn Văn D.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh D xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Gia H, sinh ngày 07/7/2017. Quá trình giải quyết vụ án, chị V và anh D cùng có quan điểm đề nghị giao cháu H cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị V tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy quan điểm, nguyện vọng của chị V, anh D phù hợp với nguyện vọng của cháu H và quy định của pháp luật, đã đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giao cháu Nguyễn Đình Gia H cho chị V tiếp tục nuôi

dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị V.

[2.3] *Về tài sản:* Chị V và anh D đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Các bên đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định) theo quy định tại điều 47 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm a khoản 2 điều 11 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên chị V tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này để buộc chị V chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 3; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hải V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hải V và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Hải V và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Gia H, sinh ngày 07/7/2017, hiện đang do chị V nuôi dưỡng. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Giao cháu Nguyễn Đình Gia H cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị V và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Hải V tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004597 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cù. Trả lại chị V 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cù;
- UBND xã Tiên Tiến (ĐKKH số 16, ngày 27/6/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thương